

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2025/HNGĐ - ST
Ngày 12 - 5 - 2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Diện

Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Mil là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Từ Minh T - Sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố H, phường L, thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Lê Thị D - Sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Cư trú: ấp C, xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11.02.2025 và các lời khai tại Tòa án, anh Từ Minh T (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị D kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, cả hai không còn tìm được tiếng nói chung khiến cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và không còn hạnh phúc nên anh chị đã ly thân. Nay xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, cuộc sống vợ chồng không còn hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị D.

- Về con chung: Anh Từ Minh T xác định trong thời gian chung sống không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Từ Minh T xác định trong thời gian chung sống không có tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh Từ Minh T xác định trong thời gian chung sống anh và chị D không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Lê Thị D, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của anh T nhưng chị D không có ý kiến. Tòa án thông báo để chị D tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng chị D vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh, chị được.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập họp lệ chị Lê Thị D tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị D vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Vào năm 2017, anh T và chị D kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã L nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh T xác định, không còn tình cảm vợ chồng với chị D vì anh chị bất đồng quan điểm, anh và chị D không còn tìm được tiếng nói chung khiến cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và không còn hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị D. Chị D đã được Toà án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Xét thấy, hôn nhân bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân giữa anh T và chị D đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh Từ Minh T xác định trong thời gian chung sống anh và chị D không có con chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Anh Từ Minh T xác định trong thời gian chung sống anh và chị D không có tài sản, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh Từ Minh T xác định trong thời gian chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị D vắng mặt không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Từ Minh T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Từ Minh T.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Từ Minh T được ly hôn với chị Lê Thị D.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Từ Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Từ Minh T có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019173 ngày 11 – 02 – 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Lê Thị D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai anh Từ Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND phường L;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Trần Tuấn Kiệt